

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01- 2022

V/v “ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 158/2021/TLST- HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa

1/ Nguyên đơn: anh Trần Văn T –sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ dân phố A, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2/Bị đơn: chị Trần Thị Uyên H - sinh năm 1982

Địa chỉ: tổ dân phố A, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày :

Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Uyên H có tìm hiểu và kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường N). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống. Đến cuối năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân. Hiện nay anh T không còn tình cảm gì với chị H nên yêu cầu được ly hôn với chị H

Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Uyên H có 03 người con chung tên Trần Minh L –sinh ngày 09/12/2007; Trần Ngọc An Nh –sinh ngày 08/3/2014; Trần Ngọc Bảo A –sinh ngày 14/5/2016. Khi ly hôn anh Trần Văn T yêu cầu được nuôi các con chung Trần Ngọc An Nh, Trần Ngọc Bảo A; Giao cháu Trần Minh L cho chị Trần Thị Uyên H nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Uyên H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh T có tìm hiểu và yêu thương nhau, kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là phường N). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống. Nay anh Trần Văn T yêu cầu ly hôn thì chị H đồng ý.

Về con chung: chị H và anh T có 03 chung tên Trần Minh L – sinh ngày 09/12/2007; Trần Ngọc An Nh -sinh ngày 08/3/2014; Trần Ngọc Bảo A – sinh ngày 14/5/2016. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi các con chung Trần Minh L; Giao cháu Trần Ngọc An Nh, Trần Ngọc Bảo A cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng;

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Đề nghị cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Trần Thị Uyên H

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Minh L – sinh ngày 9/12/2012 cho chị Trần Thị Uyên H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ; giao cháu Trần Ngọc An Nh –sinh ngày 08/3/2014, Trần Ngọc Bảo A – sinh ngày 14/05/2016 cho anh Trần Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Trần Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Trần Thị Uyên H ở tổ dân phố A, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Chị Trần Thị Uyên H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng

[2.1] Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Uyên H có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là phường N). Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh T, chị H sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân cuối năm 2018 đến nay. Mặc khác theo xác minh tại phụ nữ phường N thì vợ chồng anh T, chị H đã sống ly thân nhiều năm. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa anh T và chị H đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 việc anh T yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh T chung tên Trần Minh L –sinh ngày 09/12/2007; Trần Ngọc An Nh – sinh ngày 08/3/2014; Trần Ngọc Bảo A –sinh

ngày 14/5/2016. Khi ly hôn giữa anh T và chị H thống nhất là chị H nuôi con chung Trần Minh L; Giao cháu Trần Ngọc An Nh, Trần Ngọc Bảo A cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng. Để đảm bảo moi mặt của các cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Giao cháu Trần Minh L – sinh ngày 09/12/2012 cho chị Trần Thị Uyên H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Ngọc An Nh – sinh ngày 08/3/2014, Trần Ngọc Bảo A – sinh ngày 14/05/2016 cho anh Trần Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét

[2.3]Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]Về nợ chung: Không có

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai số 0001352 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T

1.Về hôn nhân : Cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Uyên H

2.Về con chung: Giao cháu Trần Minh L – sinh ngày 09/12/2012 cho chị Trần Thị Uyên H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Ngọc An Nh – sinh ngày 08/3/2014, Trần Ngọc Bảo A – sinh ngày 14/05/2016 cho anh Trần Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh Trần Văn T, chị Trần Thị Uyên H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai số 0001352 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

6. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Uyên H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường N
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Minh Kha